TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 505/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 25/7/2017
V/v "Ly hôn giữa bà N. và ông S."

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Loan

2. Ông Nguyễn Văn Thông

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Phạm Thị Nguyên - Cán bộ Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Đinh Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2017 tại Trụ sở Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 83/2017/TLST-HNGĐ ngày 21/02/2017 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 276/2017/QĐXX-ST ngày 16/6/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 196/2017/QĐST-HPT ngày 07/7/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Đình Minh N., sinh năm 1972 (có mặt)

HKTT: đường S, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: đường Y, Phường X, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Ngô Ngọc S., sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: đường S, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn nộp ngày 19/01/2017 và trong quá trình xét xử, Nguyên đơn bà Lê Đình Minh N. trình bày: Bà và ông S. tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 10/2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 211, quyển số 01/2008 ngày 03/10/2008, có 01 con chung tên Ngô Ngọc Hân, sinh ngày 20/12/2009.

Sau khi cưới, vợ chồng bà sống về sống chung với mẹ ông S. tại nhà số đường S, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do không hòa hợp về tính tình, về quan điểm sống, ông S. sống không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, sống không chung thủy, kinh tế khó khăn nên thường xảy ra cãi vả. Cuối năm 2016 mâu thuẫn vợ chồng trở nên gay gắt, hai bên đã xảy ra xô xát nhau, không hòa giải được nên bà đã dẫn con về nhà cha mẹ ruột để sống cho đến nay. Nay, nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được bà xác định không còn tình cảm với ông S. nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Ngô Ngọc S..

Về con chung: Bà Lê Đình Minh N. yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Ngô Ngọc H., sinh ngày 20/12/2009 cho đến khi thành niên, không yêu cầu ông Ngô Ngọc S. cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N. xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn ông Ngô Ngọc S. đã được Tòa án triệu tập đến Tòa để trình bày ý kiến về việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn nhưng cố tình vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận ý kiến và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Đình Minh N. vẫn giữ N. các ý kiến đã trình bày, ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Bị đơn ông Ngô Ngọc S. vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều đảm bảo đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đúng thẩm quyền xét xử, việc tống đạt các thông báo, giấy triệu tập, quyết định… của Tòa cho các đương sự hợp lệ, đúng với quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn, đúng địa điểm, thành phần, đảm bảo thời gian luật quy định, thành phần những người tiến hành tố tụng không thuộc trường hợp phải thay đổi. Xét thấy từ cuối năm 2016, bà N. và ông S. xảy ra mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến xô xát nhau, bà N. về nhà cha mẹ ruột để sống nhưng cho đến nay hai bên vẫn không hòa giải được, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng của bà N., ông S. đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Lê Đình Minh N. được ly hôn với ông Ngô Ngọc S., giao con chung Ngô Ngọc H., sinh ngày 20/12/2009 cho bà N. trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Bà N. không yêu cầu ông S. cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: bà N. xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Hình thức, nội dung đơn yêu cầu ly hôn của bà Lê Đình Minh N. thực hiện đúng quy định tại các Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Lê Đình Minh N. đối với bị đơn ông Ngô Ngọc S. có nơi cư trú tại Quận 6 nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3]. Quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Đình Minh N. và ông Ngô Ngọc S. phát sinh từ tháng 10/2008 có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp.

[4]. Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

Nguyên đơn bà Lê Đình Minh N. trình bày mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2015 do không còn hòa hợp nhau về mọi mặt, ông S. sống không có trách nhiệm với gia đình, sống không chung thủy, vợ chồng có mâu thuẫn về kinh tế, không có niềm tin dành cho nhau nên thường xảy ra gây cãi, xô xát, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Đến tháng 12/2016 mâu thuẫn hai bên trầm trọng nên bà đã dẫn con gái về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Ngô Ngọc S.

Phía bị đơn ông Ngô Ngọc S. vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến.

Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình..." nhưng qua lời trình bày của nguyên đơn thì giữa vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả hai đã không có niềm tin, không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau vun đắp cho cuộc sống gia đình. Từ tháng 12/2016 cho đến nay hai bên đã sống ly thân nhưng vẫn không cải thiện được mối quan hệ. Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng bà N., ông S. hàn gắn tình cảm, trở về đoàn tụ, tuy nhiên, phía bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án dù đã được triệp tập hợp lệ, chứng tỏ bị đơn không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ngoài ra, theo biên bản xác minh tại địa phương nơi bà N. và ông S. sinh sống thì mâu thuẫn gia đình của vợ chồng rất trầm trọng, bà N. và ông S. thường xuyên cãi vã, đánh đập nhau, cuộc sống gia đình không hòa thuận. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của N. đơn.

[5]. Về con chung: Bà Lê Đình Minh N. yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung Ngô Ngọc H., sinh ngày 20/12/2009 cho đến khi thành niên, từ trước đến nay bà N. là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H.; Hội đồng xét xử xét thấy: bà N. hiện có việc làm và thu nhập ổn định, cháu H. có nguyện vọng được sống cùng mẹ thể hiện tại biên

bản ghi nhận nguyện vọng của cháu. Vì lợi ích về mọi mặt của trẻ, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung Ngô Ngọc H., sinh ngày 20/12/2009 cho bà Lê Đình Minh N. nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên, ghi nhận sự tự nguyện của bà N. không yêu cầu ông S. cấp dưỡng nuôi con.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Đình Minh N. xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Đình Minh N. là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bà Lê Đình Minh N. và ông Ngô Ngọc S. được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 9, 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Đình Minh N. và ông Ngô Ngọc S..

(Giấy chứng nhận kết hôn số 211, quyển số 01/2008 ngày 03/10/2008 do Ủy ban nhân dân Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Ngô Ngọc H., sinh ngày 20/12/2009 cho bà Lê Đình Minh N. trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Bà N. không yêu cầu ông S. cấp dưỡng nuôi con.

Ông Ngô Ngọc S. có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với bà Lê Đình Minh N. .

Bà Lê Đình Minh N. phải tạo mọi điều kiện cho ông Ngô Ngọc S. khi đến thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì quyền và lợi ích của con, khi cần thiết thì một hoặc cả hai bên đều có quyền thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp ông Ngô Ngọc S. lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Lê Đình Minh N. có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Ngô Ngọc S..

3. Về tài sản chung và nợ chung: bà Lê Đình Minh N. xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: là 300.000 đồng bà Lê Đình Minh N. phải chịu; nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004386 ngày 21/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Đình Minh N. đã nộp đủ án phí.

5. Bà Lê Đình Minh N. được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Ngô Ngọc S. có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Q.6;
- CCTHADS Q.6;
- UBND P.X, Q.Y;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Thu